TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày: 05-3-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà M Tấn
Bà Nguyễn Thị Duyên
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/TLST- DSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1944
Địa chỉ: ấp Huỳnh T, xã Hậu Thạnh Đ, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt);

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972

Bà Trần Thị X, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: ấp H H, xã Bắc H, huyện Tân T, tỉnh Long An;

(ông M và bà X vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 24 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: vào tháng 7/2014, vợ chồng bà Trần Thị X và ông Trần Văn M có đến cửa hàng vật tư xây dựng của ông để mua vật liệu xây dựng về xây nhà ở với tổng số tiền là 31.442.000đ, sau đó bà X trả nhiều lần kéo dài đến tháng 9/2016 với tổng số tiền là 24.000.000đ, số tiền còn nợ lại là 7.442.000đ. Ông có đòi nhiều lần nH đến nay bà X và ông M không trả cho

ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X và ông M có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ lại là 7.442.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Văn M và Trần Thị X: ông M và bà X vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bị đơn Nguyễn Văn M và Trần Thị X vắng mặt tại phiên tòa nH trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và H giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nH vẫn vắng mặt nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án, ông H có cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng M cho yêu cầu khởi kiện của ông, bao gồm bản kê giao hàng ghi chi tiết số lượng, giá trị vật liệu xây dựng; biên nhận nợ; biên bản H giải của Ban H giải ấp H H, xã Bắc H thể hiện nội dung bà X và ông M mua vật liệu xây dựng của ông H nH chưa trả hết nợ, ông H có khởi kiện tại Ban H giải ấp H H và đã được tổ chức H giải, hai bên có thống nhất thời gian, số tiền trả nH bà X và ông M chỉ trả được nhiều lần, tổng số tiền 24.000.000đ, còn nợ lại số tiền 7.442.000 đ. Bà X và ông M đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nH không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, cần buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền 7.442.000 đ.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị X phải chịu phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông H không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 319, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự Bộ 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn H số tiền 7.442.000đ (Bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu ông M và bà X chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị X có nghĩa vụ chịu 372.100 đ (Ba trăm bảy mươi hai nghìn một trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0003715 ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh